TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MIMH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bản án số: 682/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12/7/2018
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Bà Nguyễn Thị Năm

2. Bà Đặng Thị Huê

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Ngọc Tuyền - Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 168/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2017, về "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự :

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1970 (Đương sự vắng mặt)

Địa chỉ: đường H, Phường X, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

2. *Bị đơn:* Ông Hà Kiến G, sinh năm 1974 (Đương sự vắng mặt)

Địa chỉ: đường L, Phường Y, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ và được nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thu N và ông Hà Kiến G chung sống từ năm 1994 có đăng ký kết hôn tại Ủy Ban nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 24/02/1996 theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 313/94, quyển số 02/KHT. Trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Nay tại Tòa án bà N yêu cầu được ly hôn với ông G vì hôn nhân không mang lại hạnh phúc.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thu N và ông Hà Kiến G chung sống có 02 người con chung là Hà Chí T sinh ngày 14/3/1995 đã thành niên và Hà Kim P sinh ngày 26/5/2002, bà N

yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hà Kim P, không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà N xác định không có tài sản chung.

Về nợ chung: Bà N xác định không có nợ.

Bị đơn: Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 06/11/2017 ông Hà Kiến G xác nhận ông và bà N là vợ chồng, ông, bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đối với yêu cầu ly hôn của bà N ông đồng ý ly hôn.

Về con chung ông đồng ý giao bà N trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Hà Kim P, con chung tên Hà Chí T hiện đã thành niên.

Ông xác định không có tài sản chung và không có nợ chung với bà N.

Ông Hà Kiến G có yêu cầu được giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu ý kiến:

- Tòa án nhân dân Quận 8 thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng quy định pháp luật.

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 9, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà. Hội đồng xét xử nhận định :

Xét đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu N, Hội đồng xét xử nhận định: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình, bị đơn cư trú tại Quận 8. Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét thấy Bà Nguyễn Thị Thu N và ông Hà Kiến G chung sống với nhau có đăng ký kết hôn, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Xét đơn xin được xét xử vắng mặt của bà Nguyễn Thị Thu N ngày 29/6/2018 và yêu cầu được xét xử vắng mặt của ông Hà Kiến G ngày 06/11/2017. Hội đồng xét xử xét thấy cần căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt theo yêu cầu của các đương sự.

Bà N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông G vì mâu thuẫn gia đình trầm trọng, hôn nhân không mang lại hạnh phúc.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thu N và ông Hà Kiến G chung sống có 02 người con chung là Hà Chí T sinh ngày 14/3/1995 đã thành niên và Hà Kim P sinh ngày 26/5/2002, bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hà Kim P, không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung các đương sự xác định không có tài sản chung và không có nợ chung. Xét yêu cầu của nguyên đơn, nguyện vọng của con chung Hà Kim P.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

-Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

-Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu N với ông Hà Kiến G.

1.1 Về con chung: Giao bà Nguyễn Thị Thu N trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Hà Kim P sinh ngày 26/5/2002, tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con cho ông G do bà N không có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của trẻ theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

1.2 Về tài sản chung: Đương sự xác định không có tài sản chung.

1.3 Về nợ chung: Đương sự xác định không có nợ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) bà N phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số: 0026733 ngày 13/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8. Bà N đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

4. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Nơi nhận :

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục thi hành án dân sự Q.8;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- LưuVP, hồ sơ.

Trần Ngọc Hiếu